

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1		Định khoản các nghiệp vụ: (Đơn vị tính: đồng)	
	1/	a/ Nợ TK 1521 345.000.000 (15.000 x 23.000) Nợ TK 1331 34.500.000 (345.000.000 x 10%) Có TK 331 379.500.000	0,25
	2/	a/ Nợ TK 1522 42.000.000 (3.500 x 12.000) Nợ TK 1331 2.100.000 (30.000.000 x 5%) Có TK 1121 44.100.000	0,25
	3/	Nợ TK 621 273.000.000 (3.000 x 23.000 + 9.000 x 23.000) Có TK 1521 273.000.000	0,25
	4/	Nợ TK 621 35.000.000 (1.000 x 11.000 + 2.000 x 12.000) Nợ TK 627 6.000.000 (500 x 12.000) Có TK 1522 41.000.000	0,25
	5/	Nợ TK 627 3.000.000 (18.000.000 : 6) Nợ TK 242 15.000.000 Có TK 153 18.000.000	0,25
	6/	Nợ TK 622 150.000.000 Nợ TK 627 50.000.000 Có TK 334 200.000.000	0,25
	7/	Nợ TK 622 35.250.000 (150.000.000 x 23,5%) Nợ TK 627 11.750.000 (50.000.000 x 23,5%) Nợ TK 334 21.000.000 (200.000.000 x 10,5%) Có TK 338 68.000.000 (200.000.000 x 34%)	0,5
	8/	Nợ TK 627 15.000.000 Có TK 214 15.000.000	0,25
	9/	Nợ TK 627 12.000.000 (13.200.000 : 1,1) Nợ TK 1331 1.200.000 Có TK 1111 13.200.000	0,25

10/		a/ Nợ TK 621 (5.250.000) Có TK 1521 (5.250.000)	0,25
		b/ Nợ TK 1522 2.000.000 Có TK 621 2.000.000	0,25
		d/ Nợ TK 154 580.750.000 Có TK 621 300.750.000 Có TK 622 185.250.000 Có TK 627 94.750.000	0,5
	11/	Đánh giá SP DD: CP NVL TT = $[(14.250.000 + 300.750.000) : (3.000 + 500)] \times 500$ = 45.000.000	0,25
		CP NC TT = $[(7.250.000 + 185.250.000) : (3.000 + 500 \times 60\%)] \times (500 \times 60\%)$ = 17.500.000	0,25
		CP SXC = $[(4.250.000 + 94.750.000) : (3.000 + 500 \times 60\%)] \times (500 \times 60\%)$ = 9.000.000	0,25
		CP DD CK = 45.000.000 + 17.500.000 + 9.000.000 = 71.500.000	0,25
	12	Tính giá thành và giá thành đơn vị $Z = 25.750.000 + 588.750.000 - 71.500.000 = 543.000.000$ $z = 543.000.000 : 3.000 = 181.000$ đồng/sản phẩm	0,5
	Tổng điểm câu 1		5,0đ
	2	1/ Nợ TK 621 156.800.000 Có TK 152C 120.000.000 Có TK 152P 36.800.000	0,25
		2/ Nợ TK 622 74.100.000 Có TK 334 60.000.000 Có TK 338 14.100.000	0,25
			0,5
		3/ Nợ TK 627 96.4600.000 Có TK 152P 15.300.000 Có TK 153 8.000.000 Có TK 334 20.000.000 Có TK 338 4.700.000 Có TK 214 25.000.000 Có TK 111 23.460.000	0,5

8/	Nợ TK 154 327.360.000 Có TK 621 156.800.000 Có TK 622 74.100.000 Có TK 627 96.460.000	0,25
9/	Tính chi phí sản xuất dở dang: - NVLTT: $400 \times 60.000 + 300 \times 40.000 = 36.000.000$ - NCTT: $400 \times 60\% \times 30.000 + 300 \times 50\% \times 20.000 = 10.200.000$ - SXC: $400 \times 60\% \times 42.000 + 300 \times 50\% \times 34.000 = 15.180.000$	0,25
10/	Tính giá thành thực tế theo khoản mục chi phí: $Z_{TT} = CQ_{DB} + C_{PS} - CQ_{DC} - PL$ (nếu có) - NVLTT: $8.800.000 + 156.800.000 - 36.000.000 = 129.600.000$ - NCTT: $6.300.000 + 74.100.000 - 10.200.000 = 70.200.000$ - SXC: $9.800.000 + 96.460.000 - 15.180.000 = 91.080.000$	0,5
11/	Tính giá thành kế hoạch theo khoản mục chi phí: $Z_{KH(ĐM)} = \sum Q_i \times Z_{KH(ĐM)_i}$ - NVLTT: $1.000 \times 60.000 + 1.200 \times 40.000 = 108.000.000$ - NCTT: $1.000 \times 30.000 + 1.200 \times 20.000 = 54.000.000$ - SXC: $1.000 \times 42.000 + 1.200 \times 34.000 = 82.800.000$	0,25
12/	Tính tỷ lệ tính giá thành theo khoản mục chi phí: $T_{NVLTT} = \frac{Z_{TT}}{Z_{ĐM(KH)}} = \frac{129.600.000}{108.000.000} = 1,2$ $T_{NCTT} = \frac{Z_{TT}}{Z_{ĐM(KH)}} = \frac{70.200.000}{54.000.000} = 1,3$ $T_{SXC} = \frac{Z_{TT}}{Z_{ĐM(KH)}} = \frac{96.460.000}{82.800.000} = 1,1$	0,25
13a/	Tính giá thành và giá thành đơn vị theo khoản mục chi phí của từng loại sản phẩm:	0,25

	$Z_i = T \times Z_{KH(ĐM)I} \quad ; \quad z_i = \frac{Z_i}{Q_i}$ Chi phí NVL TT: $Z_{NVLTTA} = 1,2 \times 1.000 \times 60.000 = 72.000.000$ $\Rightarrow z_A = 72.000.000 / 1.000 = 72.000 \text{ đồng/sp}$																					
13b/	$Z_{NVLTTB} = 1,2 \times 1.200 \times 40.000 = 57.600.000$ $\Rightarrow z_B = 57.600.000 / 1.200 = 48.000 \text{ đồng/sp}$	0,25																				
14a/	Chi phí NC TT: - $Z_{NCTTA} = 1,3 \times 1.000 \times 30.000 = 39.000.000$ $\Rightarrow z_A = 39.000.000 / 1.000 = 39.000 \text{ đồng/sp}$	0,25																				
14b/	$Z_{NCTTB} = 1,3 \times 1.200 \times 20.000 = 31.200.000$ $\Rightarrow z_B = 31.200.000 / 1.200 = 26.000 \text{ đồng/sp}$	0,25																				
15a/	Chi phí SX chung: - $Z_{SXCA} = 1,1 \times 1.000 \times 42.000 = 46.200.000$ $\Rightarrow z_A = 46.200.000 / 1.000 = 46.200 \text{ đồng/sp}$	0,25																				
15b/	$Z_{SXC B} = 1,1 \times 1.200 \times 34.000 = 44.880.000$ $\Rightarrow z_B = 44.880.000 / 1.200 = 37.400 \text{ đồng/sp}$	0,25																				
16/	Lập phiếu tính giá thành sản phẩm: <table><tr><th>Chỉ tiêu</th><th>CPNVLTT</th><th>CPNCTT</th><th>CPSXC</th><th>Tổng cộng</th></tr><tr><td>Dở dang ĐK</td><td>8.800.000</td><td>6.300.000</td><td>9.800.000</td><td>24.900.000</td></tr><tr><td>PS trong kỳ</td><td>156.800.000</td><td>74.100.000</td><td>81.500.000</td><td>212.400.000</td></tr><tr><td>Dở dang CK</td><td>36.000.000</td><td>10.200.000</td><td>15.180.000</td><td>61.380.000</td></tr></table>	Chỉ tiêu	CPNVLTT	CPNCTT	CPSXC	Tổng cộng	Dở dang ĐK	8.800.000	6.300.000	9.800.000	24.900.000	PS trong kỳ	156.800.000	74.100.000	81.500.000	212.400.000	Dở dang CK	36.000.000	10.200.000	15.180.000	61.380.000	1,0
Chỉ tiêu	CPNVLTT	CPNCTT	CPSXC	Tổng cộng																		
Dở dang ĐK	8.800.000	6.300.000	9.800.000	24.900.000																		
PS trong kỳ	156.800.000	74.100.000	81.500.000	212.400.000																		
Dở dang CK	36.000.000	10.200.000	15.180.000	61.380.000																		

	Tổng giá thành TT nhóm SP	129.600.000	70.200.000	43.680.000	175.920.000	
	Tổng giá thành KH nhóm SP	108.000.000	54.000.000	82.800.000	244.800.000	
	Tỷ lệ tính giá thành	1,2	1,3	1,1	-	
	Tổng GT SP A	72.000.000	39.000.000	46.200.000	157.200.000	
	GT đv SP A	72.000	39.000	46.200	157.200	
	Tổng GT SP B	57.600.000	31.200.000	44.880.000	133.680.000	
	GT đv SP B	48.000	26.000	37.400	111.400	
Tổng điểm câu 2						5,0đ